

Số: 2523.../QĐCN-VICB-SP

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

### Cấp chứng chỉ chứng nhận sản phẩm

#### TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định về chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp chứng chỉ đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10A

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chứng nhận sản phẩm : **Thuốc Bảo vệ thực vật** (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm gia công, đóng gói: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật ( Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 11 năm 2014 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 1
- Lưu CD

  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**TS. Phạm Văn Thành**

# VINACERT

## PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2523/QĐCN-VICB-SP ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)  
(Issued together with Decision No 2523/QĐCN-VICB-SP dated 24 November, 2014  
By the General Director of VinaCert-Control JSC)

37 sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật  
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước,  
Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
được chứng nhận phù hợp với các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục  
bảo vệ thực vật như sau :

The 37 Pesticides of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY  
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh  
City, Vietnam  
Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be  
District, Ho Chi Minh City, Vietnam  
was certified for compliance with national technical regulation as follows:

| STT | Tên sản phẩm<br>Product name                                       | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Enterprise Standard | Tiêu chuẩn chứng nhận<br>Technical Standards | Số chứng chỉ<br>Certificate No. |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
| 1.  | Thuốc trừ sâu SAPEN ALPHA<br>5 EC/ Insecticide SAPEN<br>ALPHA 5 EC | TCCS 01:2014/BVTV-SG                    | TCVN 8979: 2011                              | VICB 1570.10-1                  |
| 2.  | Thuốc trừ sâu BUTYL 40<br>WG/ Insecticide BUTYL 40<br>WG           | TCCS 03:2014/BVTV-SG                    | TCVN 9477: 2012                              | VICB 1570.10-2                  |
| 3.  | Thuốc trừ sâu SAIRIFOS<br>585 EC/ Insecticide<br>SAIRIFOS 585 EC   | TCCS 07:2014/BVTV-SG                    | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-3                  |
| 4.  | Thuốc trừ sâu BASCIDE 50<br>EC/ Insecticide BASCIDE 50<br>EC       | TCCS 14:2014/BVTV-SG                    | TCVN 8983: 2011                              | VICB 1570.10-4                  |
| 5.  | Thuốc trừ sâu SAROMITE<br>57 EC/ Insecticide<br>SAROMITE 57 EC     | TCCS 17:2014/BVTV-SG                    | TCVN 9479: 2012                              | VICB 1570.10-5                  |

|     |                                                                          |                       |                    |                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------|
| 6.  | Thuốc trừ sâu COMDA GOLD 5 WG/ <i>Insecticide</i> COMDA GOLD 5 WG        | TCCS 19: 2014/BVTV-SG | TCCS 66 :2013/BVTV | VICB 1570.10-6  |
| 7.  | Thuốc trừ sâu Brimgold 200 WPI <i>Insecticide</i> Brimgold 200 WP        | TCCS 21:2014/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-7  |
| 8.  | Thuốc trừ bệnh SAGOGRAIN 300 EC/ <i>Fungicide</i> SAGOGRAIN 300 EC       | TCCS 28:2014/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-8  |
| 9.  | Thuốc trừ bệnh SAIZOLE 5 SC/ <i>Fungicide</i> SAIZOLE 5 SC               | TCCS 30:2014/BVTV-SG  | TCVN 8381 :2010    | VICB 1570.10-9  |
| 10. | Thuốc trừ bệnh LÚA VÀNG 20 WPI <i>Fungicide</i> LÚA VÀNG 20 WP           | TCCS 32:2014/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-10 |
| 11. | Thuốc trừ bệnh PYSAIGON 50 WPI <i>Fungicide</i> PYSAIGON 50 WP           | TCCS 41:2014/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-11 |
| 12. | Thuốc trừ bệnh VANICIDE 5 SL/ <i>Fungicide</i> VANICIDE 5 SL             | TCCS 44:2014/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-12 |
| 13. | Thuốc trừ bệnh VANICIDE 5 WPI <i>Fungicide</i> VANICIDE 5 WP             | TCCS 45:2014/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-13 |
| 14. | Thuốc trừ bệnh SAIPORA 350 SC/ <i>Fungicide</i> SAIPORA 350 SC           | TCCS 47:2014/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-14 |
| 15. | Thuốc trừ cỏ SAICOBIA 500 EC/ <i>Herbicide</i> SAICOBIA 500 EC           | TCCS 49:2014/BVTV-SG  | TC 08 :2003/CL     | VICB 1570.10-15 |
| 16. | Thuốc trừ cỏ MIZIN 80 WP/ <i>Herbicide</i> MIZIN 80 WP                   | TCCS 51:2014/BVTV-SG  | TCVN 10161:2013    | VICB 1570.10-16 |
| 17. | Thuốc trừ cỏ BUTOXIM 60 EC/ <i>Herbicide</i> BUTOXIM 60 EC               | TCCS 55:2014/BVTV-SG  | TCCS 08:2006       | VICB 1570.10-17 |
| 18. | Thuốc trừ cỏ PYANCHOR GOLD 8.5 EC/ <i>Herbicide</i> PYANCHOR GOLD 8.5 EC | TCCS 67:2014/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-18 |

|     |                                                                          |                      |                    |                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------|
| 19. | Thuốc trừ cỏ FASFIX 150 SL/ <i>Herbicide FASFIX 150 SL</i>               | TCCS 68:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-19 |
| 20. | Thuốc trừ cỏ LYPHOXIM 41 SL/ <i>Herbicide LYPHOXIM 41 SL</i>             | TCCS 71:2014/BVTV-SG | TCCS 1:2009/BVTV   | VICB 1570.10-20 |
| 21. | Thuốc trừ cỏ LYPHOXIM 396 SL/ <i>Herbicide LYPHOXIM 396 SL</i>           | TCCS 72:2014/BVTV-SG | TCCS 1:2009/BVTV   | VICB 1570.10-21 |
| 22. | Thuốc trừ cỏ PESLE 276 SL/ <i>Herbicide PESLE 276 SL</i>                 | TCCS 75:2014/BVTV-SG | TCVN 9476:2012     | VICB 1570.10-22 |
| 23. | Thuốc trừ cỏ VENUS 300 EC/ <i>Herbicide VENUS 300 EC</i>                 | TCCS 76:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-23 |
| 24. | Thuốc trừ cỏ PYANCHOR 3 EC/ <i>Herbicide PYANCHOR 3 EC</i>               | TCCS 79:2014/BVTV-SG | TCCS 03:2006       | VICB 1570.10-24 |
| 25. | Thuốc trừ sâu SHERZOL 205 EC/ <i>Insecticide SHERZOL 205 EC</i>          | TCCS 12:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-25 |
| 26. | Thuốc trừ bệnh TREPPACH BUL 607 SL/ <i>Fungicide TREPPACH BUL 607 SL</i> | TCCS 36:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-26 |
| 27. | Thuốc trừ bệnh SULOX 80 WP/ <i>Fungicide SULOX 80 WP</i>                 | TCCS 38:2014/BVTV-SG | TCVN 8984 :2011    | VICB 1570.10-27 |
| 28. | Thuốc trừ bệnh TRIZOLE 75 WP/ <i>Fungicide TRIZOLE 75 WP</i>             | TCCS 42:2014/BVTV-SG | TC : 08/2002-CL    | VICB 1570.10-28 |
| 29. | Thuốc trừ bệnh ZIN 80 WP/ <i>Fungicide ZIN 80 WP</i>                     | TCCS 46:2014/BVTV-SG | TCVN 9478:2012     | VICB 1570.10-29 |
| 30. | Thuốc trừ cỏ ANSARON 80 WP/ <i>Herbicide ANSARON 80 WP</i>               | TCCS 65:2014/BVTV-SG | TC: 96/98-CL       | VICB 1570.10-30 |
| 31. | Thuốc trừ cỏ PYAN-PLUS 5.8 EC/ <i>Herbicide PYAN-PLUS 5.8 EC</i>         | TCCS 66:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-31 |



www.vinacert.vn

# VINACERT

QUYẾT ĐỊNH CẤP CHỨNG CHỈ CNSP

|     |                                                                   |                      |                    |                 |
|-----|-------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------|
| 32. | Thuốc trừ cỏ SAI-ONE 15 EC/ <i>Herbicide SAI-ONE 15 EC</i>        | TCCS 69:2014/BVTV-SG | TC: 01/2001-CL     | VICB 1570.10-32 |
| 33. | Thuốc trừ cỏ PYANCHOR 5 EC/ <i>Herbicide PYANCHOR 5 EC</i>        | TCCS 78:2014/BVTV-SG | TCCS 03:2006/BVTV  | VICB 1570.10-33 |
| 34. | Thuốc trừ chuột ZINPHOS 20%/ <i>Rodenticide ZINPHOS 20%</i>       | TCCS 80:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-34 |
| 35. | Thuốc trừ sâu SECSAIGON 10 EC/ <i>Insecticide SECSAIGON 10 EC</i> | TCCS 09:2014/BVTV-SG | TCCS 06:2006       | VICB 1570.10-35 |
| 36. | Thuốc trừ sâu SECSAIGON 25 EC/ <i>Insecticide SECSAIGON 25 EC</i> | TCCS 10:2014/BVTV-SG | TCCS 06:2006       | VICB 1570.10-36 |
| 37. | Thuốc trừ sâu SECSAIGON 50 EC/ <i>Insecticide SECSAIGON 50 EC</i> | TCCS 11:2014/BVTV-SG | TCCS 06:2006       | VICB 1570.10-37 |

**Trụ sở chính**

Tầng 4, tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,  
Tương Mai, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội  
ĐT : 043.634.1933  
Fax : 043.634.1137  
Email : sale@vinacert.vn

**Hải Phòng**

464 đường Đà Nẵng, Đồng Hải 1,  
Hải An, Tp. Hải Phòng  
ĐT : 031.376.9387  
Fax : 031.376.9388  
Email: hp\_office@vinacert.vn

**Đà Nẵng**

Phòng 305-tầng 3, 10/103, đường 30/4,  
Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
ĐT : 0511.362.4393  
Fax : 0511.362.4394  
Email: dn\_office@vinacert.vn

**Hồ Chí Minh**

366A Trương Chính, Phường 13,  
Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT : 062.240.5152  
Fax : 063.613.2855  
Email: sg\_office@vinacert.vn

**Cần Thơ**

F2-63, đường số 6, KDC 586, Phú Thứ,  
Cái Răng, Tp. Cần Thơ  
ĐT : 0710.391.7479  
Fax : 0710.398.4769  
Email: ct\_office@vinacert.vn

Soạt xét 01.9/2013

Số: 664...../QĐCN-VICB-SP

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Cấp giấy chứng nhận sản phẩm**

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT**

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định về chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp giấy chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10A

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Chứng nhận sản phẩm : **Thuốc Bảo vệ thực vật** (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm gia công, đóng gói: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật ( Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 24. tháng 03 năm 2015 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1
- Lưu CD

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**TS. Phạm Văn Thành**



## PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 664/QĐCN-VICB-SP ngày 24 tháng 03 năm 2015 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)  
(Issued together with Decision No. 664/QĐCN-VICB-SP dated 24 March, 2015  
By the General Director of VinaCert.,JSC)

14 sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật  
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước,  
Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

được chứng nhận phù hợp với các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục  
bảo vệ thực vật như sau :

The 14 Pesticides of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY  
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh  
City, Vietnam

Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be  
District, Ho Chi Minh City, Vietnam

was certified for compliance with national technical regulation as follows:

| STT | Tên sản phẩm<br>Product name                                       | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Enterprise Standard | Tiêu chuẩn chứng nhận<br>Technical Standards | Số chứng chỉ<br>Certificate No. |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
| 1.  | Thuốc trừ sâu BUTYL 10 WP/<br>Insecticide BUTYL 10 WP              | TCCS<br>02:2014/BVTV-SG                 | TCVN 9477 : 2012                             | VICB 1570.10-38                 |
| 2.  | Thuốc trừ sâu GÀ NÒI 95 SP/<br>Insecticide GÀ NÒI 95 SP            | TCCS<br>04:2014/BVTV-SG                 | TCVN 8380 : 2010                             | VICB 1570.10-39                 |
| 3.  | Thuốc trừ sâu COMDA 250<br>EC/ Insecticide COMDA 250<br>EC         | TCCS<br>18:2014/BVTV-SG                 | TCCS<br>135: 2014/BVTV                       | VICB 1570.10-46                 |
| 4.  | Thuốc trừ sâu SAGOFIFRO<br>850 WG/ Insecticide<br>SAGOFIFRO 850 WG | TCCS<br>23:2014/BVTV-SG                 | TCCS<br>135: 2014/BVTV                       | VICB 1570.10-49                 |
| 5.  | Thuốc trừ bệnh CARBENZIM<br>50 WP/ Fungicide CARBENZIM<br>50 WP    | TCCS<br>25:2014/BVTV-SG                 | TC 10/CL: 2007                               | VICB 1570.10-51                 |
| 6.  | Thuốc trừ bệnh KISAIGON 10<br>GR/ Fungicide KISAIGON 10<br>GR      | TCCS<br>31:2014/BVTV-SG                 | TCCS<br>135: 2014/BVTV                       | VICB 1570.10-55                 |

|     |                                                                     |                         |                     |                 |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|-----------------|
| 7.  | Thuốc trừ bệnh SAIPAN 2 SL/<br><i>Fungicide SAIPAN 2 SL</i>         | TCCS<br>33:2014/BVTV-SG | TCCS 21: 2011/BVTV  | VICB 1570.10-56 |
| 8.  | Thuốc trừ bệnh THIO-M 500 SC/<br><i>Fungicide THIO-M 500 SC</i>     | TCCS<br>40:2014/BVTV-SG | TCVN 8751:2011      | VICB 1570.10-61 |
| 9.  | Thuốc trừ bệnh TRIZOLE 75 WG/<br><i>Fungicide TRIZOLE 75 WG</i>     | TCCS<br>43:2014/BVTV-SG | TCCS 135: 2014/BVTV | VICB 1570.10-62 |
| 10. | Thuốc trừ cỏ SAICOBABA 800 EC/<br><i>Herbicide SAICOBABA 800 EC</i> | TCCS<br>48:2014/BVTV-SG | TC 08/2003 - CL     | VICB 1570.10-63 |
| 11. | Thuốc trừ cỏ MIZIN 500 SC/<br><i>Herbicide MIZIN 500 SC</i>         | TCCS<br>52:2014/BVTV-SG | TCVN 10161 : 2013   | VICB 1570.10-65 |
| 12. | Thuốc trừ cỏ BÉ BỤ 30 WP/<br><i>Herbicide BÉ BỤ 30 WP</i>           | TCCS<br>57:2014/BVTV-SG | TCCS 135: 2014/BVTV | VICB 1570.10-69 |
| 13. | Thuốc trừ cỏ STAR 10 WP/<br><i>Herbicide STAR 10 WP</i>             | TCCS<br>77:2014/BVTV-SG | TCCS 32: 2011/BVTV  | VICB 1570.10-80 |
| 14. | Thuốc trừ ốc DIOTO 250 EC/<br><i>Molluscicide DIOTO 250 EC</i>      | TCCS<br>82:2014/BVTV-SG | TC 05/CL: 2005      | VICB 1570.10-82 |

C.T.C.P.  
 A  
 I.A NQI

Số: ...347.../QĐCN-VICB-SP

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH Cấp giấy chứng nhận sản phẩm

### TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định về chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp giấy chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10A

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chứng nhận sản phẩm : **Thuốc Bảo vệ thực vật** (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm gia công, đóng gói: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật ( Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 1
- Lưu CD



TỔNG GIÁM ĐỐC

*TS. Phạm Văn Thành*



## PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 347/QĐCN-VICB-SP ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)

(Issued together with Decision No 347/QĐCN-VICB-SP dated 03 February, 2015  
By the General Director of VinaCert., JSC)

05 sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật  
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước,  
Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
được chứng nhận phù hợp với các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục  
bảo vệ thực vật như sau :

The 05 Pesticides of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY  
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh  
City, Vietnam

Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be  
District, Ho Chi Minh City, Vietnam

was certified for compliance with national technical regulation as follows:

| STT | Tên sản phẩm<br>Product name                                    | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Enterprise Standard | Tiêu chuẩn chứng nhận<br>Technical Standards | Số chứng chỉ<br>Certificate No. |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
| 1.  | Thuốc trừ bệnh ALPINE 80<br>WG/ Fungicide ALPINE 80<br>WG       | TCCS 29:2014/BVTV-SG                    | TC 05/CL:2004                                | VICB 1570.10-54                 |
| 2.  | Thuốc trừ cỏ ZICO 48 SL/<br>Herbicide ZICO 48 SL                | TCCS 59:2014/BVTV-SG                    | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-71                 |
| 3.  | Thuốc trừ cỏ ZICO 520 SL/<br>Herbicide ZICO 520 SL              | TCCS 62:2014/BVTV-SG                    | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-74                 |
| 4.  | Thuốc trừ cỏ ZICO 850 SL<br>(DD)/ Herbicide ZICO 850 SL<br>(DD) | TCCS 63:2014/BVTV-SG                    | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-75                 |
| 5.  | Thuốc trừ cỏ GARDON 27,<br>6 SL/ Herbicide GARDON<br>27, 6 SL   | TCCS 74:2014/BVTV-SG                    | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-79                 |

Số: ...151.../QĐCN-VICB-SP

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

### Cấp chứng chỉ chứng nhận sản phẩm

#### TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định về chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp chứng chỉ đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10A

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chứng nhận sản phẩm : **Thuốc Bảo vệ thực vật** (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm gia công, đóng gói: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật ( Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư Số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 01 năm 2015 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 1
- Lưu CD

TỔNG GIÁM ĐỐC



TS. Phạm Văn Thành



## PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 151/QĐCN-VICB-SP ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)

(Issued together with Decision No 151/QĐCN-VICB-SP dated 19 January, 2015  
By the General Director of VinaCert-Control, JSC)

09 sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật  
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước,  
Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

được chứng nhận phù hợp với các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục  
bảo vệ thực vật như sau :

The 09 Pesticides of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY  
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh  
City, Vietnam

Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be  
District, Ho Chi Minh City, Vietnam

was certified for compliance with national technical regulation as follows:

| STT | Tên sản phẩm<br>Product name                                 | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Enterprise Standard | Tiêu chuẩn chứng nhận<br>Technical Standards | Số chứng chỉ<br>Certificate No. |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
| 1.  | Thuốc trừ sâu SAGO-SUPER 3 GR/ Insecticide SAGO-SUPER 3 GR   | TCCS 06:2014/BVTV-SG                    | TCCS 135:2014/BVTV                           | VICB 1570.10-41                 |
| 2.  | Thuốc trừ sâu DIAPHOS 10 GR/ Insecticide DIAPHOS 10 GR       | TCCS 13:2014/BVTV-SG                    | TCVN 9483:2012                               | VICB 1570.10-43                 |
| 3.  | Thuốc trừ sâu SAGOMETRO 50 WG/ Insecticide SAGOMETRO 50 WG   | TCCS 22:2014/BVTV-SG                    | TCCS 13:2010/BVTV                            | VICB 1570.10-48                 |
| 4.  | Thuốc trừ sâu SCHEZGOLD 500 WG/ Insecticide SCHEZGOLD 500 WG | TCCS 24:2014/BVTV-SG                    | TCCS 13:2010/BVTV                            | VICB 1570.10-50                 |
| 5.  | Thuốc trừ cỏ BETO 14 WP/ Herbicide BETO 14 WP                | TCCS 50:2014/BVTV-SG                    | TCCS 135:2014/BVTV                           | VICB 1570.10-64                 |

|    |                                                       |                      |                    |                 |
|----|-------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------|
| 6. | Thuốc trừ cỏ BUTOXIM 5 GR/ Herbicide BUTOXIM 5 GR     | TCCS 54:2014/BVTV-SG | TCCS 08:2006       | VICB 1570.10-67 |
| 7. | Thuốc trừ cỏ LYPHOXIM 16 SL/ Herbicide LYPHOXIM 16 SL | TCCS 70:2014/BVTV-SG | TCCS 01:2009/BVTV  | VICB 1570.10-77 |
| 8. | Thuốc trừ ốc DIOTO 830 WG/ Molluscicide DIOTO 830 WG  | TCCS 83:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-83 |
| 9. | Thuốc trừ ốc BOSAGO 12 AB/ Molluscicide BOSAGO 12 AB  | TCCS 84:2014/BVTV-SG | TC 09/CL:2004      | VICB 1570.10-84 |

C.T.C.P. ION

Số: 1460.../QĐCN-VICB-SPHà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

### Cấp giấy chứng nhận sản phẩm

#### TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định về chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp giấy chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10A

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chứng nhận sản phẩm : **Thuốc Bảo vệ thực vật** (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm gia công, đóng gói tại: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật ( Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 27... tháng 06 năm 2015 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 1
- Lưu CD

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Phạm Văn Thành*  
**Phạm Văn Thành**



**PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN**  
**CERTIFICATION SCHEDULE**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1460/QĐCN-VICB-SP ngày 27 tháng 06 năm 2015 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)  
(Issued together with Decision No 1460/QĐCN-VICB-SP dated 27 June, 2015  
By the General Director of VinaCert.,JSC)

16 sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật  
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn  
Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước,  
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
được chứng nhận phù hợp với các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục  
bảo vệ thực vật như sau :

*The 16 Pesticides of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY*  
*Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh*  
*City, Vietnam*  
*Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be*  
*District, Ho Chi Minh City, Vietnam*  
*was certified for compliance with national technical regulation as follows:*

| STT | Tên sản phẩm<br>Product name                                       | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Enterprise Standard | Tiêu chuẩn chứng nhận<br>Technical Standards | Số chứng chỉ<br>Certificate No. |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
| 1.  | Thuốc trừ sâu GÀ NÒI 4 GR/<br>Insecticide GÀ NÒI 4 GR              | TCCS<br>05:2014/BVTV-SG                 | TCVN 8380:2010                               | VICB 1570.10-40                 |
| 2.  | Thuốc trừ sâu SAGENT 6 GR/<br>Insecticide SAGENT 6 GR              | TCCS<br>08:2014/BVTV-SG                 | TCCS 30:2011/BVTV                            | VICB 1570.10-42                 |
| 3.  | Thuốc trừ sâu MIPCIPE 50<br>WPI Insecticide MIPCIPE 50<br>WP       | TCCS<br>15:2014/BVTV-SG                 | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-44                 |
| 4.  | Thuốc trừ sâu SK ENSPRAY<br>99 EC/ Insecticide SK<br>ENSPRAY 99 EC | TCCS<br>16:2014/BVTV-SG                 | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-45                 |
| 5.  | Thuốc trừ sâu SABURAN 10<br>GR/ Insecticide SABURAN 10<br>GR       | TCCS<br>20:2014/BVTV-SG                 | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-47                 |
| 6.  | Thuốc trừ bệnh CARBENZIM<br>500 FL/ Fungicide<br>CARBENZIM 500 FL  | TCCS<br>26:2014/BVTV-SG                 | TC 10/CL:2007                                | VICB 1570.10-52                 |



www.vinacert.vn

**VINACERT**

QUYẾT ĐỊNH CHẤP GIẤY CHỨNG NHẬN



|     |                                                                                               |                      |                    |                 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------|
| 7.  | Thuốc trừ bệnh DIPOMATE 80 WPI <i>Fungicide DIPOMATE 80 WP</i>                                | TCCS 34:2014/BVTV-SG | TCCS 2:2009/BVTV   | VICB 1570.10-57 |
| 8.  | Thuốc trừ bệnh MEXYL MZ 72WPI <i>Fungicide MEXYL MZ 72WP</i>                                  | TCCS 35:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-58 |
| 9.  | Thuốc trừ bệnh LUNASA 25 EC/ <i>Fungicide LUNASA 25 EC</i>                                    | TCCS 37:2014/BVTV-SG | TCCS 22:2011/BVTV  | VICB 1570.10-59 |
| 10. | Thuốc trừ bệnh THIO-M 70 WPI <i>Fungicide THIO-M 70 WP</i>                                    | TCCS 39:2014/BVTV-SG | TCVN 8751:2011     | VICB 1570.10-60 |
| 11. | Thuốc trừ cỏ BUTOXIM 60 EC + CAT/ <i>Herbicide BUTOXIM 60 EC + CAT</i>                        | TCCS 56:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-68 |
| 12. | Thuốc trừ cỏ PATAXIM 55 EC/ <i>Herbicide PATAXIM 55 EC</i>                                    | TCCS 58:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-70 |
| 13. | Thuốc trừ cỏ ZICO 720 SL (DD)/ <i>Herbicide ZICO 720 SL (DD)</i>                              | TCCS 61:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-73 |
| 14. | Thuốc trừ cỏ LYPHOXIM 75,7 WG/ <i>Herbicide LYPHOXIM 75,7 WG</i>                              | TCCS 73:2014/BVTV-SG | TCCS 01:2009/BVTV  | VICB 1570.10-78 |
| 15. | Thuốc điều hòa sinh trưởng SAIGON - P1 15 WPI <i>Plant Growth Regulator SAIGON - P1 15 WP</i> | TCCS 81:2014/BVTV-SG | TC 14/CL: 2006     | VICB 1570.10-81 |
| 16. | Thuốc trừ ốc TATOO 150 B/ <i>Molluscicide TATOO 150 B</i>                                     | TCCS 85:2014/BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-85 |

T.C.P  
 HÀ NỘI

Trụ sở chính  
 Tầng 4, tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,  
 Trương Mai, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội  
 ĐT : 043.634.1933  
 Fax : 043.634.1137  
 Email : sale@vinacert.vn

Hải Phòng  
 464 đường Đà Nẵng, Đồng Hải 1,  
 Hải An, Tp. Hải Phòng  
 ĐT : 031.376.9387  
 Fax : 031.376.9388  
 Email : hp\_office@vinacert.vn

Đà Nẵng  
 Phòng 305-làng 3, lô 103, đường 30/4,  
 Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
 ĐT : 0511.362.4393  
 Fax : 0511.362.4394  
 Email : dn\_office@vinacert.vn

Hồ Chí Minh  
 25 BIs, đường Nguyễn Văn Thủ, phường  
 Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
 ĐT : 083.910.7426  
 Fax : 083.910.7428  
 Email : sg\_office@vinacert.vn

Cần Thơ  
 F2-63, đường số 6, KDC 586,  
 Phú Thứ, Cái Răng, Tp. Cần Thơ  
 ĐT : 0710.391.7479  
 Fax : 0710.391.7479  
 Email : ctp\_office@vinacert.vn

Số: 2276.../QĐ-VICB

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH Cấp giấy chứng nhận sản phẩm

### TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp giấy chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10A.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chứng nhận sản phẩm : **Thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục kèm theo)**

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Đường Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm sản xuất: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật ( Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn/Tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian giấy chứng nhận có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2015 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu CD



*TS. Phạm Văn Thành*

## PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE



(Ban hành kèm theo Quyết định số 2276./QĐ-VICB ngày 15 tháng 10 năm 2015  
của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)  
(Issued together with Decision No 2276./ QĐ-VICB dated 15 October, 2015  
By the General Director of VinaCert.,JSC)

10 sản phẩm Thuốc bảo vệ thực vật  
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước,  
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được chứng nhận phù  
hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục bảo vệ  
thực vật như sau:

10 Pesticides of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY  
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh  
City, Vietnam

Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be  
District, Ho Chi Minh City, Vietnam

was certified for compliance with national technical regulation  
as follows:

| STT | Tên sản phẩm<br>Product name                                   | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Enterprise Standard | Tiêu chuẩn chứng nhận<br>Technical Standards | Số chứng chỉ<br>Certificate No. |
|-----|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
| 1.  | Thuốc trừ cỏ BERON 10 WP/<br>Herbicide BERON 10 WP             | TCCS<br>53:2014/BVTV-SG                 | TC 109/2000 - CL                             | VICB 1570.10-66                 |
| 2.  | Thuốc trừ bệnh TRIZOLE 400<br>SC/ Fungicide TRIZOLE 400<br>SC  | TCCS<br>07:2015/BVTV-SG                 | TCCS 135:2014/BVTV                           | VICB 1570.10-87                 |
| 3.  | Thuốc trừ sâu SAIMIDA 100<br>SL/ Insecticide SAIMIDA 100<br>SL | TCCS<br>08:2015/BVTV-SG                 | TC 07/CL:2006                                | VICB 1570.10-88                 |
| 4.  | Thuốc trừ sâu DIAPHOS 50<br>EC/ Insecticide DIAPHOS 50<br>EC   | TCCS<br>12:2015/BVTV-SG                 | TCVN 9483:2012                               | VICB 1570.10-89                 |
| 5.  | Thuốc trừ sâu NETOXIN 90<br>WP/ Insecticide NETOXIN 90<br>WP   | TCCS<br>13:2015/ BVTV-SG                | TCCS 135:2014/BVTV                           | VICB 1570.10-90                 |

0102152121  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG NHẬN  
GIÁM ĐỊNH  
VINACERT  
HÀNG MAI - TP. HÀ NỘI



www.vinacert.vn

# VINACERT

QUYẾT ĐỊNH GIẤY CHỨNG NHẬN SP



|     |                                                                                             |                       |                    |                 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------|
| 6.  | Thuốc trừ sâu SAGO SUPER 20 EC/ <i>Insecticide SAGO SUPER 20 EC</i>                         | TCCS 11:2015/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-91 |
| 7.  | Thuốc điều hòa sinh trưởng SAGOLATEX 2.5 PA/ <i>Plant growth regulator SAGOLATEX 2.5 PA</i> | TCCS 17:2015/ BVTV-SG | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-92 |
| 8.  | Thuốc trừ sâu SECSAIGON 5 EC/ <i>Insecticide SECSAIGON 5 EC</i>                             | TCCS 09:2015/BVTV-SG  | TCCS 06:2006       | VICB 1570.10-93 |
| 9.  | Thuốc trừ bệnh KISAIGON 50 EC/ <i>Fungicide KISAIGON 50 EC</i>                              | TCCS 15:2015/BVTV-SG  | TCCS 231:2014/BVTV | VICB 1570.10-94 |
| 10. | Thuốc trừ sâu BUTYL 400 SC/ <i>Insecticide BUTYL 400 SC</i>                                 | TCCS 10:2015/BVTV-SG  | TCCS 135:2014/BVTV | VICB 1570.10-95 |



Số: 2510.../QĐ-VICB

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH Cấp giấy chứng nhận sản phẩm

### TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp giấy chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10A.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chứng nhận sản phẩm: **Thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục kèm theo)**

Công ty: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Đường Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm sản xuất: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật ( Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn/Tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian giấy chứng nhận có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 11 năm 2015 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu CD

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT  
*TS. Phạm Văn Thành*

## PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE



(Ban hành kèm theo Quyết định số 2510 /QĐ-VICB ngày 11 tháng 11 năm 2015  
của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)  
(Issued together with Decision No 2510 / QĐ-VICB dated 11 November, 2015  
By the General Director of VinaCert., JSC)

01 sản phẩm Thuốc bảo vệ thực vật

Đơn vị đăng ký, sản xuất: AGRIA SA, ASENOVGRADSKO SHOSE, 4009 PLOVDIV, BULGARIA

Đơn vị nhập khẩu, gia công, đóng gói và phân phối: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước,  
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được chứng nhận phù  
hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục bảo vệ  
thực vật như sau:

01 Pesticides Grand, manufactured by: AGRIA SA, ASENOVGRADSKO SHOSE, 4009  
PLOVDIV, BULGARIA

The importer, packaging and sell: SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7,

Ho Chi Minh City, Vietnam

Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be

District, Ho Chi Minh City, Vietnam

was certified for compliance with national technical regulation  
as follows:

| STT | Tên sản phẩm<br>Product name                                   | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Enterprise Standard | Tiêu chuẩn chứng nhận<br>Technical Standards | Số chứng chỉ<br>Certificate No. |
|-----|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
| 1.  | Thuốc trừ bệnh ZINEB BUL<br>80 WP<br>Fungicide ZINEB BUL 80 WP | TCCS<br>05:2015/BVTV-SG                 | TCVN 9487:2012                               | VICB 1570.10-96                 |

## QUYẾT ĐỊNH

### Cấp giấy chứng nhận sản phẩm

#### TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định chứng nhận sản phẩm của **VinaCert**;
- Căn cứ kiến nghị cấp giấy chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10P

## QUYẾT ĐỊNH

#### Điều 1: Chứng nhận sản phẩm : **Thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục kèm theo)**

Công ty: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ: Khu phố 1, Đường Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm sản xuất: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật ( Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn/Tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian giấy chứng nhận có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày **19** tháng 01 năm 2016 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn** được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng/lần.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Nông nghiệp và PTNT TP Hồ Chí Minh
- Lưu CD



*TS. Phạm Văn Thành*



## PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 93 /QĐ-VICB ngày 19 tháng 01 năm 2016  
của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)  
(Issued together with Decision No 93 /QĐ-VICB dated 19 January, 2016  
By the General Director of VinaCert.,JSC)

02 sản phẩm Thuốc bảo vệ thực vật  
của CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN  
Địa chỉ: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước,  
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được chứng nhận phù  
hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục bảo vệ  
thực vật như sau:

02 Pesticides of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY  
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward,  
District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam  
Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be  
District, Ho Chi Minh City, Vietnam  
was certified for compliance with national technical regulation as follows:

| ST<br>T | Tên sản phẩm<br>Product name                    | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Enterprise Standard | Tiêu chuẩn chứng nhận<br>Technical Standards | Số chứng chỉ<br>Certificate No. |
|---------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
| 1       | Thuốc trừ cỏ ZICO 80 WP<br>Herbicide ZICO 80 WP | TCCS<br>60:2014/BVTV-SG                 | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-72                 |
| 2       | Thuốc trừ cỏ ZICO 96 WP<br>Herbicide ZICO 96 WP | TCCS<br>64:2014/BVTV-SG                 | TCCS<br>135:2014/BVTV                        | VICB 1570.10-76                 |

Số: 265.1.../QĐ-VICB

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

### Cấp giấy chứng nhận sản phẩm

#### GIÁM ĐỐC CHỨNG NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 18 tháng 05 năm 2016;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp giấy chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10P

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chứng nhận 01 sản phẩm : **Thuốc bảo vệ thực vật** (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Đường Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật:

**TCCS 197:2014/BVTV**

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian giấy chứng nhận có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2016 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Sản phẩm của **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn** được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám theo quy định chứng nhận của VinaCert.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Nông nghiệp và PTNT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu PCN

**GIÁM ĐỐC CHỨNG NHẬN**

*Dương Thị Hương*



www.vinacert.vn

# VINACERT

QUYẾT ĐỊNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SP



MS441113VH  
ZS441113VH



## PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2651 /QĐ-VICB ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc chứng nhận Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)  
(Issued together with Decision No 2651 /QĐ-VICB dated 21<sup>st</sup> December, 2016  
By the Certification Director of VinaCert.,JSC)

01 sản phẩm Thuốc bảo vệ thực vật  
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn  
Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước,  
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được chứng nhận phù  
hợp với các yêu cầu kỹ thuật của TCCS 197 :2014/BVTV như sau:

01 Pesticide of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY  
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7,  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward,  
Nha Be District, Ho Chi Minh City, Vietnam  
was certified for compliance with national technical regulation  
TCCS 197:2014/BVTV as follows:

| STT | Tên sản phẩm<br>Product name                                                 | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Manufacturer<br>standard | Ngày hiệu lực<br>Effective date | Hạn<br>hiệu lực<br>Expiry date | Mã SPHQ<br>Code of<br>conformity<br>product |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|
| 1.  | <b>Thuốc trừ bệnh<br/>BENDAZOLE 50<br/>WP/ Fungicide<br/>BENDAZOLE 50 WP</b> | TCCS<br>05:2016/BVTV-SG                      | <u>21.1.12</u> /2016            | 23/11/2017                     | VICB<br>1570.10-98                          |

Số: 2652.../QĐ-VICB

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

### Cấp giấy chứng nhận sản phẩm

#### GIÁM ĐỐC CHỨNG NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 18 tháng 05 năm 2016;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp giấy chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10P

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chứng nhận 01 sản phẩm : **Thuốc bảo vệ thực vật** (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Đường Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia:

**TCVN 9481:2012**

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2:** Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian giấy chứng nhận có hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21... tháng 12... năm 2016 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Sản phẩm của **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn** được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám theo quy định chứng nhận của VinaCert.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Nông nghiệp và PTNT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu PCN



**GIÁM ĐỐC CHỨNG NHẬN**



*Hoàng Thị Hương*

**PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN**  
**CERTIFICATION SCHEDULE**



(Bản hành kèm theo Quyết định số 2652/QĐ-VICB ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc chứng nhận Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)  
(Issued together with Decision No 2652/QĐ-VICB dated 21<sup>st</sup> December 2016  
By the Certification Director of VinaCert.,JSC)

01 sản phẩm Thuốc bảo vệ thực vật  
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước,  
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được chứng nhận phù  
hợp với các yêu cầu kỹ thuật của TCVN 9481:2012 như sau:

01 Pesticide of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY  
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7,  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward,  
Nha Be District, Ho Chi Minh City, Vietnam

was certified for compliance with national technical regulation  
TCVN 9481:2012 as follows:

| STT | Tên sản phẩm<br>Product name                                                 | Tiêu chuẩn cơ sở<br>Manufacturer<br>standard | Ngày hiệu lực<br>Effective date | Hạn<br>hiệu lực<br>Expiry date | Mã SPHQ<br>Code of<br>conformity<br>product |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|
| 1.  | <b>Thuốc trừ bệnh</b><br><b>LUSTER 250 SC/</b><br>Fungicide LUSTER 250<br>SC | TCCS<br>14:2016/BVTV-SG                      | <u>21.12.2016</u>               | 23/11/2017                     | VICB<br>1570.10-102                         |